TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN Đ** TỈNH KIÊN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST Ngày: 26 - 5 - 2020 V/v tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ TỈNH KIÊN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970**. Địa chỉ: ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G (có mặt).

- *Bị đơn:* **Bà Trần Thị P, sinh năm 1971**. Địa chỉ: tại ấp Hiệp Bình, xã Mỹ Hiệp S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày: Vào năm 1991, ông và bà Trần Thị P qua thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau, đã chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đến ngày 27/10/2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hiệp S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G. Trong thời gian chung sống, ông bà có 03 con chung là: Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1992; Phạm Thị Diễm T, sinh năm 1997 và Phạm Thị Diễm Q, sinh năm 2003. Ông C cho rằng trong khoảng thời gian chung sống từ năm 1991 đến cuối năm 2011 thì cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, thương yêu nhau, nhưng kể từ tháng 12 năm 2011, tình cảm vợ chồng bắt

đầu rạn nứt, nguyên nhân do vợ ông nhiều lần gây nợ nần, chơi số đề, ông khuyên can nhưng không được, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến, sinh ra cự cãi nhau. Mặc dù ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng trái lại, tình cảm giữa hai người ngày càng xa cách nên ông về nhà cha mẹ ruột ở ấp Hiệp Lợi, xã Mỹ Hiệp S sinh sống từ cuối năm 2011 cho đến nay. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà P để giải thoát cho nhau, không ràng buộc nhau. Về con, hai cháu lớn là Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1992 và Phạm Thị Diễm T, sinh năm 1997 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh ngày 20/11/2003 hiện nay sống với mẹ, nên ông để bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị P nhưng bà P không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà P chung sống với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G ngày 27/10/2002, dó đó hôn nhân giữa ông C và bà P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian từ năm 1991 đến cuối năm 2011 vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, hòa thuận và thương yêu nhau, nhưng kể từ tháng 12 năm 2011, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, nguyên nhân theo ông C là do vợ ông bà P nhiều lần gây nợ nần, còn chơi số đề, ông khuyên can nhưng bà P không từ bỏ, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến, sinh ra cự cãi nhau, ông về nhà cha mẹ ruột ở ấp Hiệp Lợi, xã Mỹ Hiệp S sinh sống từ cuối năm 2011 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông C với bà P không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân gần 9 năm, thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, ông C không còn tình cảm với bà P, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho ông C ly hôn với bà P, là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Từ khi ông C về nhà cha mẹ ruột sống thì cháu Phạm Thị Diễm Q vẫn ở với bà P, hơn nữa cháu Quyên có nguyện vọng muốn ở với mẹ, do đó xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, cần giao cháu Phạm Thị Diễm Q, sinh

ngày 20/11/2003 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, ông C cho rằng mặc dù ông không trực tiếp nuôi con nhưng ông vẫn thường xuyên quan tâm, chu cấp tiền bạc cho cháu Quyên ăn học, nay cháu Quyên đã tự đi làm trang trải cuộc sống cá nhân nên ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con nhưng do bà P không có ý kiến tại Tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của bà P về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó khi có yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, bà P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông C yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Phạm Văn C ly hôn với bà Trần Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thị Diễm Quyên, sinh ngày 20/11/2003 cho bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quyên thành niên (đủ 18 tuổi). Ông C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông C đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009060 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị P vắng mặt có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đ;
- CCTHADS huyện Hòn Đ;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Hiệp S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Liệu **Phạm Hồng Gái** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**